

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Quý Cổ đông công ty.

### I. Thông tin chung:

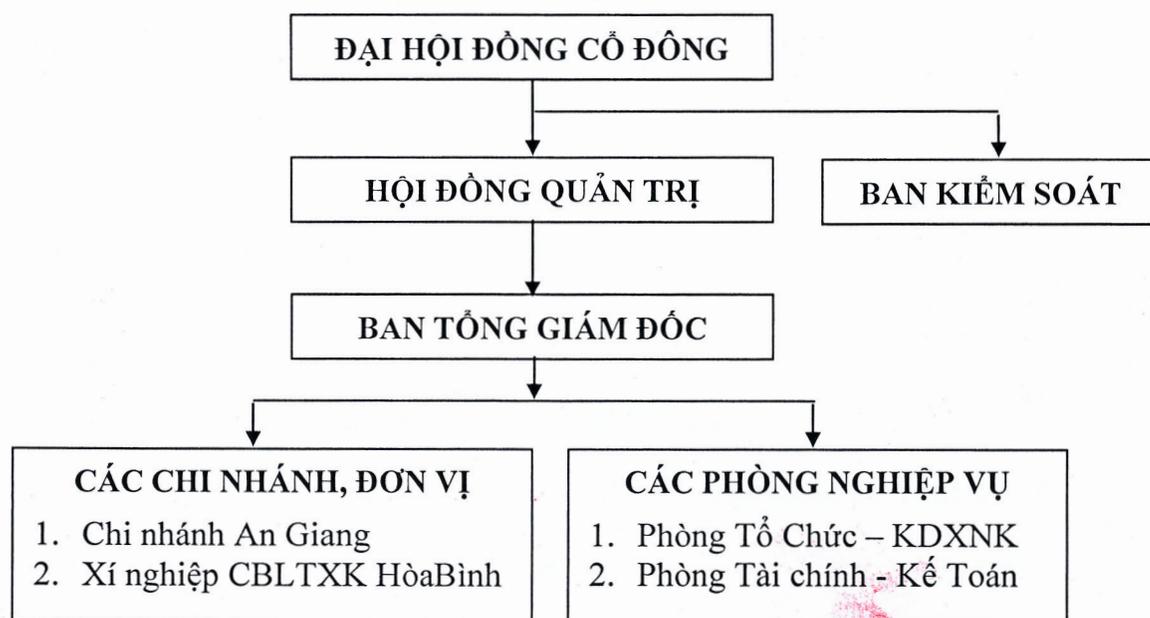
#### 1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC BÌNH ĐỊNH**
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 557-559, đường Trần Hưng Đạo, P. Quy Nhơn, T. Gia Lai
- Điện thoại: 0256-3822664
- E-mail: [bidifood\\_kd@bidifood.vn](mailto:bidifood_kd@bidifood.vn) Website: [www.bidifood.vn](http://www.bidifood.vn)
- **Quá trình hình thành và phát triển:**
  - Thành lập năm 1975, trực thuộc UBND tỉnh Bình Định (cũ)
  - Năm 1995, là thành viên trực thuộc Tổng Công ty Lương thực miền Nam.
  - Năm 2005, chuyển sang mô hình hoạt động Công ty TNHH Nhà nước một thành viên, đổi tên gọi là Công ty TNHH Lương thực Bình Định.
  - Năm 2008, chuyển sang mô hình hoạt động Công ty cổ phần do Nhà nước giữ 51% vốn điều lệ, đổi tên gọi là Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định.

#### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Kinh doanh, chế biến mặt hàng lương thực và nông sản phục vụ cho xuất khẩu và nội địa.

#### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:



- Công ty con, Công ty liên kết: Không có.

#### 4. Định hướng phát triển:

- Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, đảm bảo lợi ích của chủ sở hữu, cổ đông, người lao động, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị được giao.

**5. Các rủi ro:**

- Rủi ro đặc thù ngành như thu hoạch theo mùa vụ chịu ảnh hưởng của thời tiết, thiên tai, dịch bệnh ...

- Xuất khẩu gạo là ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

**II. Tình hình hoạt động trong năm:**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

**BẢNG KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025**

T T	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2025	TH NĂM 2025	THỰC HIỆN NĂM 2024	% SO KẾ HOẠCH	% SO NĂM 2024
1	Mua vào	Tấn					
	- Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	103.000	79.694	91.777	77,37	86,83
2	Bán ra	Tấn					
	- Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	103.000	74.858	90.853	72,68	82,39
3	Doanh thu	Triệu đồng	1.355.000	937.93 7	1.332.972	69,22	70,36
4	Kim ngạch xuất khẩu	1.000 USD	52.824	33.988	48.117	64,34	70,64
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.500	10.609	8.370	124,81	126,75
6	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	21,25	26,52	20,93	124,81	126,75
7	Nộp ngân sách	Triệu đồng	1.700	2.869	2.005	168,79	143,11
8	Cổ tức	%					
9	Thu nhập bình quân	1.000 đồng/ tháng	9.600	11.200	10.220	116,67	109,59

**2. Tổ chức và nhân sự:**

- Ban điều hành: 02 người

ST T	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Cổ phần sở hữu
---------	-----------	----------	---------	----------------

				Số lượng	Tỷ lệ %
1	Ông Phạm Văn Nam	1959	Tổng giám đốc	33.200	0,83
2	Bà Võ Hoàng Yến	1969	Phó TGD	19.500	0,48

- Người lao động: 88 người

### 3. Tình hình đầu tư, hình thức thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

b. Công ty con, Công ty liên kết: Không có

### 4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	181.160.917.102	99.406.115.524	182,24%
Doanh thu thuần	929.399.107.847	1.320.169.571.292	70,40%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.543.321.061	8.223.296.566	128,21%
Lợi nhuận khác	65.721.580	146.776.205	44,77%
Lợi nhuận trước thuế	10.609.042.641	8.370.072.771	126,75%
Lợi nhuận sau thuế	7.819.723.049	5.701.284.194	137,15%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		57,5 %	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số t/toán ngắn hạn		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,70	1,57
+ Hệ số t/toán nhanh		
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	0,60	1,30
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số nợ /Tổng tài sản	0,58	0,25
+ Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu	1,38	0,33
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bquân	13,19	184,60

+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	5,13	13
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	0,0084	0,0043
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn CSH	0,1027	0,0764
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	0,0431	0,0573
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DT thuần	0,0113	0,0062

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 4.000.000 (mệnh giá:10.000 đ)
- Trong đó: cổ phần phổ thông: 4.000.000
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.960.000

b. Cơ cấu cổ đông: 25/06/2025.

TT	Phân loại cổ đông	Số cổ đông	Cổ phần sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ</b>			
1	Cổ đông lớn (từ 5% trở lên)	01	2.040.000	51,0
2	Cổ đông nhỏ	549	1.960.000	49,0
<b>II</b>	<b>Cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân</b>			
1	Cổ đông tổ chức	02	2.068.700	51,72
2	Cổ đông cá nhân	548	1.931.300	48,28
<b>III</b>	<b>Cổ đông Nhà nước, cổ đông khác</b>			
1	Cổ đông Nhà nước	01	2.040.000	51,0
2	Cổ đông khác	549	1.960.000	49,0
<b>IV</b>	<b>Cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài</b>			
1	Cổ đông trong nước	463	3.998.400	99,96
2	Cổ đông nước ngoài	03	1.600	0,04

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác:

**III. Đánh giá của Ban giám đốc:**

1- Hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục phát triển và mang tính bền vững, đảm bảo lợi ích của chủ sở hữu, cổ đông, người lao động, thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế, chính trị

được giao. Đời sống người lao động được nâng cao, chính sách phúc lợi tốt, các chế độ quyền lợi được thực hiện đúng quy định.

**2. Tình hình tài chính:**

	TÀI SẢN	MS	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>	<b>122.922.806.024</b>	<b>39.111.854.471</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>2.699.783.096</b>	<b>26.988.119.869</b>
1.	Tiền	111	2.699.783.096	26.988.119.869
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>48.981.669.097</b>	<b>4.976.497.700</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	44.243.797.020	16.861.205.941
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	21.869.267.802	5.374.484.584
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	192.091.500	64.294.400
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(17.323.487.225)	(17.323.487.225)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>64.133.277.842</b>	<b>6.771.179.278</b>
1.	Hàng tồn kho	141	72.246.765.342	8.333.923.478
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(8.113.487.500)	(1.562.744.200)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>7.108.075.989</b>	<b>376.057.624</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	718.110.000	-
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	6.389.965.989	376.057.624
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>	<b>58.238.111.078</b>	<b>60.294.261.053</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>92.400.000</b>	<b>92.400.000</b>
6.	Phải thu dài hạn khác	216	92.400.000	92.400.000
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>50.946.813.460</b>	<b>52.771.406.919</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	41.625.066.334	43.449.659.793
-	<i>Nguyên giá</i>	222	113.529.176.339	111.939.397.006
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(71.904.110.005)	(68.489.737.213)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	9.321.747.126	9.321.747.126
-	<i>Nguyên giá</i>	228	9.634.147.126	9.634.147.126
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	(312.400.000)	(312.400.000)
<b>IV</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>2.017.200.239</b>	<b>1.922.679.720</b>
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	2.017.200.239	1.922.679.720
<b>V.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14.102.287</b>	<b>14.102.287</b>
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14.102.287	14.102.287
<b>VI</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>5.167.595.092</b>	<b>5.493.672.127</b>

1  
 2  
 3  
 4  
 5  
 6  
 7  
 8  
 9  
 10  
 11  
 12  
 13  
 14  
 15  
 16  
 17  
 18  
 19  
 20  
 21  
 22  
 23  
 24  
 25  
 26  
 27  
 28  
 29  
 30  
 31  
 32  
 33  
 34  
 35  
 36  
 37  
 38  
 39  
 40  
 41  
 42  
 43  
 44  
 45  
 46  
 47  
 48  
 49  
 50  
 51  
 52  
 53  
 54  
 55  
 56  
 57  
 58  
 59  
 60  
 61  
 62  
 63  
 64  
 65  
 66  
 67  
 68  
 69  
 70  
 71  
 72  
 73  
 74  
 75  
 76  
 77  
 78  
 79  
 80  
 81  
 82  
 83  
 84  
 85  
 86  
 87  
 88  
 89  
 90  
 91  
 92  
 93  
 94  
 95  
 96  
 97  
 98  
 99  
 100

1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.167.595.092	5.493.672.127
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>		<b>270</b>	<b>181.160.917.102</b>	<b>99.406.115.524</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		<b>MS</b>	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
<b>C-</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>	<b>105.084.150.169</b>	<b>24.811.071.640</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>105.084.150.169</b>	<b>24.811.071.640</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	2.566.653.715	125.578.890
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	10.951.831.944	7.294.505.245
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.865.097.371	1.907.401.374
4.	Phải trả người lao động	314	4.699.009.742	5.300.000.000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	9.813.289.126	4.551.651.313
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	273.790.440	133.596.540
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	1.132.610.789	1.133.076.589
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	66.718.683.353	-
12.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	6.063.183.689	4.365.261.689
<b>D-</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>76.076.766.933</b>	<b>74.595.043.884</b>
	<b>(400 = 410)</b>			
<b>I-</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>76.076.766.933</b>	<b>74.595.043.884</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	40.000.000.000	40.000.000.000
-	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>	<i>40.000.000.000</i>	<i>40.000.000.000</i>
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	36.076.766.933	34.595.043.884
-	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>	<i>28.485.043.884</i>	<i>29.097.759.690</i>
-	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>	<i>7.591.723.049</i>	<i>5.497.284.194</i>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>		<b>440</b>	<b>181.160.917.102</b>	<b>99.406.115.524</b>

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, chuyên môn hóa.
- Hoàn thiện các Quy chế quản lý trong Công ty, công tác giáo dục CB-CNV được chú trọng.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát huy sự ủng hộ, đồng thuận của đại hội đồng cổ đông.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Mở rộng thị trường kinh doanh, đa dạng hóa mặt hàng, ngành nghề, từng bước đầu tư sang một số ngành nghề khác trong lĩnh vực nông nghiệp.

### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Hiệu quả kinh doanh cao, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.
- Công tác quản lý tài chính tốt, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện theo đúng chế độ, chính sách quy định của Nhà nước.
- Công tác Đảng, đoàn thể được thực hiện tốt. Người lao động có việc làm đầy đủ, thu nhập cao, chế độ chính sách được thực hiện đúng quy định.
- Quyền lợi của cổ đông được đảm bảo, tỉ lệ chi trả cổ tức hợp lý, đảm bảo hài hòa lợi ích của chủ sở hữu, cổ đông và người lao động.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:**

- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực điều hành của Ban Tổng giám đốc Công ty, đã có những giải pháp điều hành đúng đắn, kịp thời. Trong bối cảnh kinh tế cực kỳ khó khăn vẫn duy trì được tốc độ phát triển, kết quả sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, các mặt công tác khác đều thực hiện tốt.
- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Tiếp tục định hướng Công ty theo sát thị trường, mở rộng thị trường kinh doanh, đa dạng hóa mặt hàng, ngành nghề.
- Đảm bảo việc làm cho người lao động, nâng cao thu nhập.
- Đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, tham gia thực hiện tốt các chính sách xã hội.

**V. Quản trị Công ty:**

**1. Hội đồng quản trị:**

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	
				Số lượng	Tỷ lệ %
1	Ông Trần Anh Vương	1980	Chủ tịch	17.920	0,448
2	Ông Phạm Văn Nam	1959	Phó C.tịch	33.200	0,83
3	Nguyễn Vương Quốc	1982	Ủy viên		
4	Ông Trần Quang Vinh	1964	Ủy viên	32.000	0,80
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	1980	Ủy viên		

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quy chế làm việc của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch công tác, chương trình làm việc cụ thể, hoạch định chiến lược phát triển công ty theo từng giai đoạn. Định kỳ mỗi quý họp 1 lần, các phiên họp có sự tham gia đầy đủ của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và đại diện Ban kiểm soát. Tại từng phiên họp, Hội đồng quản trị đã xem xét kiểm điểm, đánh giá và có những quyết định chỉ đạo sản xuất kinh doanh sát với tình hình thực tế, phù hợp với chiến lược phát triển của công ty. Ngoài ra, các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị công ty thực hiện tốt vai trò quản trị và giám sát toàn diện công tác điều hành của Ban giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, kiểm tra giám sát về việc thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

e. Hoạt động của tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (không thành lập)

## 2. Ban kiểm soát:

### a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	
				Số lượng	Tỷ lệ %
1	Bà Trần Thị Thu Nguyệt	1976	Trưởng ban	9.460	0,237
2	Nguyễn Lê Bảo Anh	1994	Kiểm soát viên		
3	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	1985	Kiểm soát viên		

### b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát được tạo điều kiện cử đại diện tham dự các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ của Công ty: giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty và đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

- Hàng năm, Ban kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, quyết định.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

### a. Thù lao HĐQT, BKS:

- Thành viên HĐQT : 7.000.000 đ/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 4.000.000 đ/tháng
- Ủy viên Ban kiểm soát : 3.000.000 đ/tháng
- Thư ký HĐQT : 2.000.000 đ/tháng

### b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01.01.2025)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (25/06/2025)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Anh Vương	Chủ tịch HĐQT	10.320	0,258	13.320	0,333	mua
2	Đặng Thị Vân Đào	Vợ Ông Phạm Văn Nam – Phó Chủ tịch HĐQT	59.900	1,498	46.200	1,155	bán
3	Võ Hoàng Yên	Phó TGD	19.500	0,488	24.800	0,620	mua

4	Trần Thị Nguyệt Mai	Em gái Bà Trần T.Thu Nguyệt-Trường BKS	2.100	0.052	1.800	0,045	bán
5	Trần Thị Kim Ngọc	Chị gái Bà Trần T.Thu Nguyệt-Trường BKS	10.320	0,258	9.720	0,243	bán

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

**- Bán hàng:**

+ Tổng Công ty Lương thực Miền Nam: 10.130.327.500đ  
+ Công ty Lương thực Tiền Giang: 6.458.400.000đ

**- Mua hàng:**

+ Công ty Lương thực Tiền Giang: 40.811.810.000đ  
+ Công ty Lương thực Tiền Giang ( sử dụng dịch vụ): 27.272.727đ  
+ Công ty Lương thực Long An: 80.755.445.000đ  
+ Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang: 28.851.075.000đ

**- Giao dịch khác:**

+ Chia cổ tức Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam – CTCP: 1.672.800.000đ

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty theo của Luật doanh nghiệp và các quy định khác của Nhà nước.

**VI. Báo cáo tài chính:**

- Ý kiến kiểm toán/báo cáo tài chính kiểm toán: chấp nhận toàn phần.

*“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp”.*

Toàn văn đăng tải tại trang thông tin điện tử: [www.bidifood.vn](http://www.bidifood.vn), chuyên mục Cổ đông.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

